| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 28-3- 2018
V/v xin ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nguyệt

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Hữu Mừng

Ông Nguyễn Hữu Hồng

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đạt Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà:*** Ông Hoàng Thế Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2017/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc *"Xin ly hôn"*.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2017/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 206/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2017/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tôn Nữ Thùy T, sinh năm: 1974

Trú tại: Thôn A 1, xã B, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

*Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Dương Đình N, Văn phòng luật sư Dương Đình N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Dương Văn B, sinh năm: 1969

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

*Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Mai Thị L, Văn phòng luật sư AB thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện X.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T1 – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bạch Văn T2– Giám đốc phòng giao dịch huyện X.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Dương Văn B.

*(Bà T, ông B và các Luật sư có mặt; đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt )*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo bản án sơ thẩm,*

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Tôn Nữ Thùy T thì:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Dương Văn B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Đà Lạt vào ngày 20/11/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2005 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B có quan hệ tình cảm với người khác, thường xuyên cờ bạc, không quan tâm đến gia đình. Bà và ông B đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Dương Thành Đ, sinh ngày 18/11/1997 và cháu Dương Thị Bảo C, sinh ngày 10/4/2003. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu C và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng.

*Về tài sản chung:* Trong thời gian chung sống bà và ông B có tạo dựng được khối tài sản chung cụ thể như sau:

Có 02 lô đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.136m$^2$ thuộc một phần các thửa 358, 359, 365, 366, 367, 368, 541 tờ bản đồ số 14 tại Thôn A 1, xã B, huyện X. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 nền xi măng, mái lợp tôn; 01 lô đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 4.528m$^2$ tại thôn Mê Ka, xã B, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; 01 lô đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.098m$^2$ thuộc một phần thửa 267 tờ bản đồ số 18 tại thôn 5, xã Đạ Long, huyện X trên đất đã trồng cây điều; 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 xe máy hiệu SH do ông Dương Văn B đứng tên sở hữu; 01 chuồng bò; 06 con bò cỏ và 02 con bò lai (số bò này ông B đã bán). Khi ly hôn về tài sản bà yêu cầu chia đôi. Do bà là phụ nữ để thuận tiện cho việc làm ăn buôn bán và nuôi con bà đề nghị Tòa án xem xét chia cho bà lô đất ở Thôn A 1, xã B, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; 01 lô đất ở thôn 5, xã Đạ Long, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; 01 xe máy; 01 bộ bàn ghế. Bà sẽ có trách nhiệm thanh toán lại phần chênh lệch cho ông B theo giá mà Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá Tiên Phong đã thẩm định.

*Về nợ chung:* Trong thời gian chung sống thì bà và ông B có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện X số tiền nợ gốc 30.000.000đồng và lãi phát sinh, bà yêu cầu ông B có trách nhiệm trả gốc và lãi phát sinh. Ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

*Bị đơn ông Dương Văn B trình bày*:

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông B thừa nhận quá trình kết hôn và chung sống như bà T trình bày là đúng. Tuy nhiên, về mâu thuẫn theo ông B là do bất đồng về quan điểm sống, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T có đơn xin ly hôn thì ông đồng ý.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Dương Thành Đ, sinh ngày 18/11/1997 và cháu Dương Thị Bảo C, sinh ngày 10/4/2003. Khi ly hôn ông B đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Thị Bảo C, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Trong thời gian chung sống thì ông và bà T tạo lập được tài sản chung gồm: 01 xe máy Airblade, 01 xe máy Exciter 135 đều mang tên Dương Văn B (hiện 02 chiếc xe này ông B đã bán năm 2015); 01 lô đất giáp mặt đường quốc lộ 722 tại Thôn A 1, xã B, huyện X trên đất có 01 căn nhà cấp 4, nền xi măng, mái lợp tôn; 01 lô đất rẫy tại thôn Mê Ka, xã B, huyện X; 01 lô đất dài 15m mặt đường tại thôn 5, xã Đạ Long, huyện X (ông B đã bán vào năm 2015); 06 con bò cỏ và 02 con bò lai (ông B đã bán năm 2016). Tuy nhiên, trong quá trình hòa giải ông chỉ thừa nhận các tài sản chung gồm: 01 lô đất giáp mặt đường quốc lộ 722 tại Thôn A 1, xã B, huyện X trên đất có 01 căn nhà cấp 4, nền xi măng, mái lợp tôn; 01 lô đất rẫy tại thôn Mê Ka, xã B, huyện X. Những tài sản khác không phải là tài sản chung. Khi ly hôn ông yêu cầu được để lại tài sản chung cho các con.

*Về nợ chung:* Trong thời gian chung sống thì ông và bà T có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện X số tiền là 30.000.000đồng và tiền lãi phát sinh. Nợ ông Trương Đình V, trú tại Thôn A 1, xã B, huyện X số tiền 160.000.000đồng và tiền lãi phát sinh. Khi ly hôn ông yêu cầu được chia đôi số nợ trên. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện X trình bày:*

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện X có cho gia đình ông Dương Văn B và bà Tôn Nữ Thùy T vay số tiền gốc là 30.000.000đồng *(ba mươi triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh. Nay ông B và bà T xin ly hôn thì Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện X đề nghị ông B, bà T trả hết số nợ trên, cùng tiền lãi phát sinh.

Tòa án đã hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án sơ thẩm số 06/2017/HNGĐ-ST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện X đã xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa bà Tôn Nữ Thùy T và ông Dương Văn B.

Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Thị Bảo C, sinh ngày 10/4/2003 cho bà Tôn Nữ Thùy T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Dương Văn B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng

3.000.000đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành cho đến khi cháu Châu đến tuổi trưởng thành.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Giao cho bà Tôn Nữ Thùy T quản lý, sử dụng 1.966m$^2$ diện tích đất thuộc một phần các thửa 358, 359, 365, 366, 367, 368, 541 tờ bản đồ số 14 và căn nhà ván, mái lợp tôn, 01 chuồng bò tại Thôn A 1, xã B, huyện X. Tổng giá trị tài sản là 1.559.753.000đ *(một tỷ năm trăm năm mươi chín triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn đồng)*.

Giao cho ông Dương Văn B diện tích đất 170m$^2$ thuộc một phần thửa 541, tờ bản đồ số 14, trị giá 120.360.000đ; 01 lô đất trồng cây lâu năm có diện tích 4.528m$^2$,trị giá 40.752.000đ; 01 lô đất có diện tích 2.098m$^2$ thuộc một phần thửa 267, tờ bản đồ 18, trên đất có 15 cây điều tại thôn 5, xã Đạ Long, huyện X, trị giá 161.803.000đ; 01 chiếc xe mô tô SH trị giá 58.000.000đ; 01 bộ bàn ghế salon gỗ trị giá 74.000.000đ; 03 con bò ông B đã bán cho ông Quảng trị giá 45.000.000đ. Tổng giá trị tài sản là 499.915.000đ.

Bà Tôn Nữ Thùy T có trách nhiệm phải thanh toán lại cho ông Dương Văn B 529.929.000đ *(năm trăm hai mươi chín triệu chín trăm hai mươi chín ngàn đồng)* tiền chênh lệch tài sản.

Về nợ chung: Buộc bà Tôn Nữ Thùy T phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện X số tiền gốc là 15.000.00đ và số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên số tiền gốc 15.000.000đ.

Buộc ông Dương Văn B phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện X số tiền gốc là 15.000.00đ và số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên số tiền gốc 15.000.000đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 02/8/2017 ông Dương Văn B kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm về phần tài sản.

*Tại phiên tòa hôm nay:* Ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản chung và nợ chung do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Bà T không đồng ý với kháng cáo của ông B, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để xem xét thẩm định tại chỗ do sau khi xét xử sơ thẩm ông B tự ý xây dựng công trình trên diện tích đang tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm

nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Căn cứ khoản 3, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn B, hủy một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản chung và nợ chung do cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân, con chung:* Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[2] *Xét kháng cáo của ông Dương Văn B về phần chia tài sản chung thì thấy rằng:*

Theo hồ sơ thể hiện Bà T xác định tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 lô đất diện tích 2.136m$^2$ thuộc một phần các thửa 358, 359, 365, 366, 367, 368, 541 tờ bản đồ số 14 tại Thôn A 1, xã B, huyện X, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 nền xi măng, mái lợp tôn; 01 lô đất diện tích 4.528m$^2$ thuộc thửa 24, tờ bản đồ số 16 thôn Mê Ka, xã B, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; 01 lô đất diện tích 2.098m$^2$ thuộc một phần thửa 267 tờ bản đồ số 18 tại thôn 5, xã Đạ Long, huyện X trên đất đã trồng cây điều; 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 xe máy hiệu SH, 01 chuồng bò, 06 con bò cỏ, 02 con bò lai (ông B đã bán). Bà yêu cầu được chia đôi và xin nhận phần đất có nhà để ở.

Ông B chỉ thừa nhận các tài sản chung gồm: 01 lô đất diện tích 2.136m$^2$ thuộc một phần các thửa 358, 359, 365, 366, 367, 368, 541 tờ bản đồ số 14 tại Thôn A 1, xã B, huyện X, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 nền xi măng, mái lợp tôn; 01 lô đất diện tích 4.528m$^2$ tại thôn Mê Ka, xã B, huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Các tài sản khác bà T trình bày không phải tài sản chung.

Về nợ chung: Ông B, bà T đều thừa nhận nợ Ngân hàng chính sách xã hội 30.000.000 đồng nợ gốc và lãi phát sinh. Ông B cho rằng ngoài khoản nợ Ngân hàng vợ chồng còn nợ ông Trương Đình Văn, trú tại Thôn A 1, xã B, huyện X số tiền 160.000.000đồng và tiền lãi phát sinh.

Như vậy, giữa bà T và ông B không thống nhất với nhau về tài sản chung và nợ chung nhưng chưa được cấp sơ thẩm xác minh làm rõ. Cụ thể:

Đối với các diện tích đất 4.528m$^2$ thuộc thửa 24, tờ bản đồ số 16, thôn Mê Ka, xã B, huyện X, tỉnh Lâm Đồng và diện tích 2.098m$^2$ thuộc một phần thửa 267 tờ bản đồ số 18 tại thôn 5, xã Đạ Long, huyện X chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ nguồn gốc của các diện tích đất này thuộc quy hoạch loại đất gì, có đủ điều kiện để được đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không.

Đối với diện tích 2.136m$^2$ thuộc một phần các thửa 358, 359, 365, 366, 367, 368, 541 tờ bản đồ số 14 tại Thôn A 1, xã B, huyện X, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 nền xi măng, mái lợp tôn. Cấp sơ thẩm nhận định đây là tài sản chung được ông B, bà T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khiếu nại đề ngày 22/10/2017 của vợ chồng ông Cil Ha T3, bà Kon Yông K'Y thể hiện phần diện tích thuộc các thửa đất số 365, 366, 367, 368, 541 tờ bản đồ số 14 này đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 225539 và số B0 225538 cho vợ chồng ông T3, bà K'Y ngày 31/12/2013, cấp sơ thẩm không không đưa vợ chồng ông T3, bà K'Y vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Hơn nữa, khi chia tài sản thuộc sở hữu chung chỉ khi nào không chia được bằng hiện vật thì mới buộc thanh toán bằng giá trị. Đối với diện tích 1.966m$^2$ đất thuộc các thửa 358, 359, 365, 366, 367, 368, 541 và tài sản trên đất cấp sơ thẩm giao hết cho bà T, buộc bà T thanh toán ½ giá trị trong khi ông B có nhu cầu về chỗ ở là chưa thỏa đáng.

Theo giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe SH biển số 49C1-055.00, tên chủ xe Công ty TNHH Thành Đạt Phát, một số tài liệu thể hiện ông Dương Văn B giám đốc Công ty Thành Đạt Phát nhận chuyển nhượng đất của các cá nhân có xác nhận của địa phương (BL 25-35) và các khoản nghĩa vụ Công ty Thành Đạt Phát phải nộp cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không đưa người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thành Đạt Phát vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết trong vụ án là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Ngoài ra phần quyết định của bản án đã tuyên: Giao cho bà Tôn Nữ Thùy T quản lý, sử dụng 1.966m$^2$ diện tích đất thuộc một phần các thửa 358, 359, 365, 366, 367, 368, 541 tờ bản đồ số 14 và căn nhà ván, mái lợp tôn, 01 chuồng bò tại Thôn A 1, xã B, huyện X; Giao cho ông Dương Văn B diện tích đất 170m$^2$ thuộc một phần thửa 541, tờ bản đồ số 14; 01 lô đất trồng cây lâu năm có diện tích 4.528m$^2$, trị giá; 01 lô đất có diện tích 2.098m$^2$ thuộc một phần thửa 267, tờ bản đồ 18, trên đất có 15 cây điều tại thôn 5, xã Đạ Long, huyện X nhưng không có họa đồ đo vẽ kèm theo, đối diện tích đất 4.528m$^2$ không thể hiện thuộc thửa đất số mấy, tờ bản đồ nào thì không thể thi hành án.

Từ những phân tích trên cho thấy, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa xác minh, thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ và không đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng để giải quyết trong vụ án nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần hủy án sơ thẩm về phần tài sản chung và nợ chung, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện X thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] *Về án phí:* Do hủy án nên ông B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Buộc bà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Tiền án phí DSST (án phí chia tài sản và thanh toán nợ), tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ, định giá tài sản các đương sự đã nộp sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn B. Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa bà Tôn Nữ Thùy T và ông Dương Văn B.

2.Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Thị Bảo Cu, sinh ngày 10/4/2003 cho bà Tôn Nữ Thùy T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Dương Văn B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành cho đến khi cháu C đến tuổi trưởng thành.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Hủy một phần Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2017/HNGĐ-ST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện X về phần tài sản chung và nợ chung. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện X giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí:

Buộc bà T phải chịu 200.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Buộc ông Dương Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003418 ngày 21/8/2017 của Chi cục thi hành án huyện X. Hoàn trả cho ông B 100.000 đồng án phí còn dư.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyêán./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Đã ký***

**Vũ Thị Nguyệt**